

Số: 138/QĐ-TTGDQPAN

Gia Lai, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh
Khóa 52, năm học 2024-2025 cho sinh viên trình độ trung cấp của
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDDĐT, ngày 26 /3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTGDQPAN, ngày 12/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học, công nhận sinh viên đủ điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 52 tại phiên họp ngày 21/8/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 52, năm học 2024-2025 cho 163 sinh viên đào tạo trình độ trung cấp (có danh sách kèm theo) của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

Điều 2. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn ;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PDTQLSV.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

DANH SÁCH XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
KHÓA 52; NĂM HỌC 2024-2025

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN

HP : Giáo dục quốc phòng và an ninh (02 tín chỉ_MHP 119008)

(Bản hành kèm theo Quyết định số 138/QĐ-TTGDQP/AN ngày 21/8/2025 của Giám đốc Trường tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
1	T180622	Đỗ Trâm Anh	03/12/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
2	T180624	Lê Hiền Diệu	28/11/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
3	T180625	Nguyễn Đức Duy	06/3/2009	Nam	Kế toán doanh nghiệp	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	
4	T180629	Phạm Thanh Khang	17/3/2009	Nam	Kế toán doanh nghiệp	7.7	7.70	Khá	Đạt	
5	T180631	Trần Nguyễn Phương Lan	20/10/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
6	T180632	Ngô Gia Lâm	07/6/2009	Nam	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
7	T180633	Nguyễn Thị Bích Liên	05/4/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.5	7.50	Khá	Đạt	
8	T180634	Phạm Ngọc Khanh Linh	20/02/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
9	T180636	Trương Hồ Thúy Nga	05/4/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
10	T180638	Phạm Hoàng Yên Nhi	19/11/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
11	T180641	Hồ Thanh Quyển	28/4/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
12	T180642	Đặng Quang Vũ	09/6/2009	Nam	Kế toán doanh nghiệp	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
13	T180644	Nguyễn Huỳnh Nhất Duy	11/5/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
14	T180646	Phan Thành Đô	16/10/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
15	T180649	Nguyễn Ngọc Hùng	25/02/2008	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.4	7.40	Khá	Đạt	
16	T180651	Tổng Anh Kiệt	18/9/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.3	7.30	Khá	Đạt	
17	T180652	Phan Nhật Khánh	18/4/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.6	7.60	Khá	Đạt	
18	T180653	Nguyễn Thành Luân	03/8/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.9	7.90	Khá	Đạt	
19	T180656	Trần Nhật Quốc	16/6/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.6	7.60	Khá	Đạt	
20	T180657	Hồ Công Sơn	27/01/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
21	T180658	Phạm Dy Tĩnh	15/11/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
22	T180659	Phan Anh Tuấn	15/10/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.6	7.60	Khá	Đạt	
23	T180662	Nguyễn Quốc Thịnh	30/8/2008	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	



TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
24	T180663	Nguyễn Huy	Vọng	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.6	7.60	Khá	Đạt	
25	T180664	Lê Võ Anh	Đào	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
26	T180667	Nguyễn Thị Hồng	30/12/2009	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
27	T180670	Nguyễn Thủy Kiều	01/9/2009	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
28	T180671	Trần An	09/7/2009	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	6.3	6.30	Trung bình	Đạt	
29	T180676	Phan Hồ Thanh	Thủy	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	6.3	6.30	Trung bình	Đạt	
30	T180677	Trịnh Ngọc Tường	Vĩ	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
31	T180678	Dương Chí An	28/6/2008	Nam	Nghiệp vụ nhà hàng	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
32	T180681	Đinh Xuân	Nghĩa	Nam	Nghiệp vụ nhà hàng	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
33	T180682	Nguyễn Đào Yến	Nhi	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
34	T180687	Đặng Thị Minh	Thao	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	7.5	7.50	Khá	Đạt	
35	T180688	Trần Duy	Thúc	Nam	Nghiệp vụ nhà hàng	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
36	T180692	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	6.3	6.30	Trung bình	Đạt	
37	T180693	Trần Anh	Vy	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	7.5	7.50	Khá	Đạt	
38	T180703	Huỳnh Hoài	Anh	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
39	T180704	Nguyễn Gia	Bào	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.6	7.60	Khá	Đạt	
40	T180706	Huỳnh Hữu	Chính	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.3	7.30	Khá	Đạt	
41	T180707	Lê Phạm Thành	Danh	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.0	7.00	Khá	Đạt	
42	T180710	Đặng Tiến	Đạt	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.3	7.30	Khá	Đạt	
43	T180711	Đặng Trường	Đông	Nam	Chăn nuôi - Thú y	5.7	5.70	Trung bình	Đạt	
44	T180712	Đặng Anh	Hòa	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.6	7.60	Khá	Đạt	
45	T180713	Lê Trung	Hòa	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.7	7.70	Khá	Đạt	
46	T180714	Đào Hà Nhất	Huy	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.5	7.50	Khá	Đạt	
47	T180715	Đông Huỳnh	Huy	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
48	T180716	Tạ Gia	Huy	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
49	T180717	Nguyễn Đình	Khai	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
50	T180718	Mang Đức	Khang	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.1	7.10	Khá	Đạt	
51	T180720	Trần Nhật	Khang	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.1	7.10	Khá	Đạt	
52	T180721	Ngô Đức	Khanh	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.0	7.00	Khá	Đạt	
53	T180723	Phùng Ngọc	Long	Nam	Chăn nuôi - Thú y	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
54	T180724	Lê Ngọc Thanh	Lưu	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	7.5	7.50	Khá	Đạt	
55	T180725	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
56	T180726	Nguyễn Ngọc Nguyễn	Ngân	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
57	T180727	Võ Thị Quy	Ngọc	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
58	T180728	Trần Đức	Nhân	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.7	7.70	Khá	Đạt	
59	T180729	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
60	T180730	Trần Hữu	Pháp	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.5	7.50	Khá	Đạt	
61	T180731	Đoàn Hữu	Phước	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.6	7.60	Khá	Đạt	
62	T180732	Nguyễn Thy	Quân	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.7	7.70	Khá	Đạt	
63	T180734	Phan Hữu	Tinh	Nam	Chăn nuôi - Thú y	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
64	T180735	Vân Công	Tinh	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.7	7.70	Khá	Đạt	
65	T180737	Phan Thị Phương	Trâm	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
66	T180738	Đỗ Quang	Vinh	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.6	7.60	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	DTBC	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
67	T180739	Nguyễn Trần Yến	Vy	Nữ	Cần nuôi - Thú y	7.5	7.50	Khá	Đạt	
68	T180740	Bùi An	An	Nữ	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
69	T180741	Lê Hoàn Gia	Báo	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
70	T180742	Lê Su	Bin	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
71	T180745	Nguyễn Quỳnh	Đức	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.5	7.50	Khá	Đạt	
72	T180746	Mai Ngọc	Đuy	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
73	T180747	Nguyễn Xuân	Hiệu	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
74	T180750	Đặng Ngọc Hoàng	Khanh	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
75	T180751	Trần Đăng	Khôi	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
76	T180752	Lê Hoàng	Lân	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
77	T180754	Lê Võ Minh	Nghĩa	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
78	T180755	Phan Đình	Nguyễn	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
79	T180756	Nguyễn Thành	Nhan	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7.5	7.50	Khá	Đạt	
80	T180757	Nguyễn	Nhuân	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
81	T180758	Tô Tấn	Phát	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
82	T180764	Vô Tấn	Tài	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
83	T180765	Quách Tấn	Thiên	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
84	T180767	Biện Trí	Tin	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
85	T180768	Lê Minh	Trí	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
86	T180769	Nguyễn Quốc	Trọng	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
87	T180772	Nguyễn Triệu	Vũ	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
88	T180774	Nguyễn Vũ Anh	Kha	Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
89	T180775	Nguyễn Thành	Khang	Nam	Hội họa	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
90	T180778	Bùi Mai	Thy	Nữ	Hội họa	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
91	T180780	Lê Nguyễn Anh	Thư	Nữ	Hội họa	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
92	T180781	Lê Nữ Hoàng	Linh	Nữ	Hội họa	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
93	T180784	Nguyễn Văn	Mim	Nam	Hội họa	8.3	8.30	Giỏi	Đạt	
94	T180785	Trần Thị Thanh	Thư	Nữ	Hội họa	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
95	T180786	Hồ Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	Hội họa	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
96	T180787	Trương Quốc	Duy	Nam	Công nghệ thông tin	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
97	T180788	Nguyễn Trung	Đức	Nam	Công nghệ thông tin	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
98	T180791	Lâm Gia	Quý	Nam	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
99	T180792	Nguyễn Bảo	Thy	Nữ	Công nghệ thông tin	6.3	6.30	Trung bình	Đạt	
100	T180793	Phạm Tuấn	Trí	Nam	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Trung bình	Đạt	
101	T180797	Nguyễn Hoàng Bảo	Hân	Nữ	Công nghệ thông tin	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
102	T180798	Nguyễn Duy	Kha	Nam	Công nghệ thông tin	7.9	7.90	Khá	Đạt	
103	T180799	Ngô	Phi	Nam	Công nghệ thông tin	7.6	7.60	Khá	Đạt	
104	T180800	Trần Thị Khánh	Quỳnh	Nữ	Công nghệ thông tin	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
105	T180801	Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	Công nghệ thông tin	7.7	7.70	Khá	Đạt	
106	T180803	Phan Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	Công nghệ thông tin	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
107	T180804	Phan Thành	Đạt	Nam	Công nghệ thông tin	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
108	T180810	Trần Ngọc	Phát	Nam	Công nghệ thông tin	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
109	T180814	Nguyễn Dương Bảo	Duy	Nam	Công nghệ thông tin	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
110	T180815	Trần Nguyễn Kỳ	23/11/2008	Nữ	Công nghệ thông tin	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
111	T180816	Phạm Quang	15/01/2009	Nam	Công nghệ thông tin	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
112	T180817	Cà Nguyễn Chính	12/11/2008	Nam	Công nghệ thông tin	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
113	T180818	Nguyễn Huỳnh Nguyễn	30/11/2009	Nam	Công nghệ thông tin	8,5	8,50	Giỏi	Đạt	
114	T180827	Bùi Huỳnh Bích	17/9/2009	Nữ	Công nghệ thông tin	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
115	T180830	Vũ Trang	14/5/2009	Nam	Công nghệ thông tin	8,9	8,90	Giỏi	Đạt	
116	T180833	Trần Mạnh	19/01/2008	Nam	Công nghệ thông tin	8,2	8,20	Giỏi	Đạt	
117	T180836	Nguyễn Thị Hồng	05/3/2009	Nữ	Công nghệ thông tin	7,5	7,50	Khá	Đạt	
118	T180838	Lê Võ Ngọc	22/02/2009	Nữ	Thanh nhạc	7,5	7,50	Khá	Đạt	
119	T180841	Ka Nguyễn Văn	28/12/2009	Nữ	Thanh nhạc	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
120	T180845	Nguyễn Hoàng	30/7/2009	Nam	Công nghệ thông tin	7,6	7,60	Khá	Đạt	
121	T180848	Nguyễn Thị Kiều	04/6/2009	Nữ	Công nghệ may	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
122	T180849	Tô Ý	17/12/2009	Nữ	Công nghệ may	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
123	T180850	Nguyễn Thị Bảo	28/11/2009	Nữ	Công nghệ may	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
124	T180862	Lê Anh	30/9/2009	Nam	Công nghệ may	7,9	7,90	Trung bình	Đạt	
125	T180863	Luong Thị Mỹ	11/5/2009	Nữ	Công nghệ may	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
126	T180868	Vô Thị Thúy	12/8/2009	Nữ	Công nghệ may	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
127	T180870	Tô Ánh	10/11/2009	Nữ	Công nghệ may	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
128	T180874	Nguyễn Thị Thanh	31/01/2009	Nữ	Công nghệ may	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
129	T180876	Phan Lê Anh	16/6/2009	Nữ	Công nghệ may	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
130	T180878	Nguyễn Võ Phương	12/02/2009	Nữ	Công nghệ may	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
131	T180879	Nguyễn Thị Hồng	02/12/2009	Nữ	Công nghệ may	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
132	T180882	Nguyễn Hoàng	11/8/2007	Nam	Công nghệ may	9,2	9,20	Xuất sắc	Đạt	
133	T180889	Hồ Minh	17/5/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,6	7,60	Khá	Đạt	
134	T180894	Nguyễn Phong	30/4/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,0	7,00	Khá	Đạt	
135	T180898	Lê Thanh	04/11/2008	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,1	7,10	Khá	Đạt	
136	T180899	Trần Nhật	27/5/2008	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,0	7,00	Khá	Đạt	
137	T180901	Huỳnh Bùi Tuấn	30/7/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,0	7,00	Khá	Đạt	
138	T180906	Nguyễn Quốc	06/10/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,1	7,10	Khá	Đạt	
139	T180907	Đặng Văn	08/10/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,1	7,10	Khá	Đạt	
140	T180909	Bùi Đặng Mạnh	19/8/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
141	T180910	Lê Thị Xuân	26/7/2009	Nữ	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
142	T180915	Hồ Gia	08/4/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,3	7,30	Khá	Đạt	
143	T180917	Nguyễn Tấn	12/12/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,3	7,30	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	ĐTB	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
144	T180920	Trương Anh Tuấn	25/9/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.6	7.60	Khá	Đạt	
145	T180922	Phạm Quốc Thắng	10/11/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.3	7.30	Khá	Đạt	
146	T180926	Võ Hữu Trường	24/11/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.3	8.30	Giỏi	Đạt	
147	T180932	Phạm Gia Hân	04/10/2009	Nữ	Nghề vụ nhà hàng	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
148	T180935	Trần Minh Hiếu	01/7/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
149	T180940	Nguyễn Nhật Huy	21/12/2008	Nam	Nghề vụ nhà hàng	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
150	T180941	Lê Quốc Hưng	14/6/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
151	T180942	Lê Minh Kiệt	15/7/2008	Nam	Nghề vụ nhà hàng	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
152	T180943	Bùi Gia Kiệt	28/02/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
153	T180944	Điệp Thế Nhật Kim	05/11/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
154	T180951	Bùi Đại Lợi	13/11/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	7.3	7.30	Khá	Đạt	
155	T180953	Trần Khánh Lưu	28/6/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
156	T180955	Bùi Thị Trà My	24/5/2009	Nữ	Nghề vụ nhà hàng	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
157	T180957	Nguyễn Đình Nhật Nguyên	25/12/2009	Nữ	Nghề vụ nhà hàng	7.5	7.50	Khá	Đạt	
158	T180962	Lê Huỳnh Minh Phúc	01/12/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	7.3	7.30	Khá	Đạt	
159	T180973	Võ Trung Thuận	16/6/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
160	T180978	Trần Hồ Anh Vũ	22/3/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
161	T180979	Nguyễn Thị Yến Vy	04/11/2009	Nữ	Nghề vụ nhà hàng	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
162	T180980	Nguyễn Triệu Vỹ	18/12/2009	Nam	Nghề vụ nhà hàng	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
163	T180983	Trần Thế Lai	11/6/1999	Nam	Tổng trợ và bảo vệ thực vật	7.5	7.50	Khá	Đạt	

Số sinh viên đạt: 163; Số sinh viên không đạt: 0

Gia Lai, ngày 21 tháng 8 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG
PHÒNG ĐT&QLSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG KHOA
GIÁM ĐỐC

CN. Lê Văn Lợi
CN. Trần Thế Hưng
ThS. Nguyễn Thanh Ngọc